

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2836 /QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 06 tháng 09 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai số liệu, thuyết minh tình hình thực hiện
dự toán ngân sách nhà nước 9 tháng năm 2020.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Theo đề nghị của Sở Tài chính (tại Văn bản số 2649/STC-QLNS ngày 28/9/2020),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu, thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 9 tháng năm 2020 theo các biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*Ang*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- LĐVP;
- Lưu VT, KTTC. *WV*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Nguyễn Khắc Thận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

Biểu số 59/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số 2836 ngày 06/10/2020 của UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG THU NSNN	15.292.619	14.575.487	95,3	109,0
A	TỔNG THU NSDP	12.594.459	13.270.598	105,4	114,1
I	Thu NSNN trên địa bàn	8.114.000	5.345.005	65,9	90,6
1	Thu nội địa	6.964.000	4.525.005	65,0	89,4
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	1.150.000	820.000	71,3	97,9
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		2.516.436		
III	Thu kết dư		153.601		
IV	Trợ cấp NSTW	6.585.922	6.066.974	92,1	121,5
V	Tạm thu ngân sách huyện, xã		12.177		
VI	Trợ cấp bổ sung các CTMT quốc gia	592.697	395.000		
VII	Thu từ quỹ dự trữ tài chính		39.517		
VIII	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		30.277		
IX	Các khoản ghi thu trên địa bàn		16.500		
B	TỔNG CHI NSDP	12.594.459	9.904.714	78,6	117,9
I	Chi cân đối NSDP	11.936.162	9.389.479	78,7	113,1
1	Chi đầu tư phát triển	3.422.618	3.412.179	99,7	124,1
2	Chi thường xuyên	8.315.764	5.947.023	71,5	107,3
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	3.500			
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.450			
5	Dự phòng ngân sách	192.830			
6	Chi nộp ngân sách cấp trên		30.277		
II	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	592.697			
III	Các khoản ghi chi trên địa bàn		20.000		
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	65.600	59.771		
D	CHI TRẢ NỢ GÓC	65.600			
E	CHI TẠM ỨNG		435.464		

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 2856 ngày 06/10/2020 của UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	8.114.000	5.345.005	65,9	90,6
I	Thu nội địa	6.964.000	4.525.005	65,0	89,4
1	Thu từ khu vực DNNN	435.000	465.805	107,1	133,1
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	85.000	66.000	77,6	66,0
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.033.000	1.140.777	56,1	85,9
4	Thuế thu nhập cá nhân	215.000	215.531	100,2	125,3
5	Thuế bảo vệ môi trường	2.370.000	630.490	26,6	53,3
6	Lệ phí trước bạ	320.000	205.177	64,1	100,6
7	Thu phí, lệ phí	67.000	62.014	92,6	108,8
8	Các khoản thu về nhà, đất	1.274.000	1.512.787	118,7	106,7
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	11		84,6
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	14.000	12.521		100,2
-	Thu tiền sử dụng đất	1.100.000	1.419.697	129,1	109,7
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	160.000	80.558	50,3	72,6
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	-			
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	20.000	35.934	179,7	73,3
10	Thu lợi nhuận còn lại	8.000	6.547		104,2
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	44.000	35.443	80,6	107,4
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	18.000	22.200	123,3	85,4
13	Thu khác ngân sách	75.000	126.300	168,4	95,1
14	Thu từ các khoản cho vay của ngân sách	-	-		
II	Thu từ dầu thô	-	-		
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	1.150.000	820.000	71,3	97,9
IV	Thu viện trợ	-	-		
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	5.411.640	4.067.467	75,2	95,7
1	Từ các khoản thu phân chia	2.968.940	1.661.032		
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	2.442.700	2.406.435		

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 2856 ngày 06/10/2020 của UBND tỉnh)

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DT NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP	12.594.459	9.904.714	78,6	116,8
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	11.936.162	9.389.479	78,7	113,1
I	Chi đầu tư phát triển	3.422.618	3.412.179	99,7	124,1
1	Chi đầu tư cho các dự án	3.422.618	3.412.179	99,7	124,1
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các DN hoạt động công ích				
II	Chi thường xuyên	8.315.764	5.947.023	71,5	107,3
1	Chi ANQP	240.840	209.997	87,2	100,1
2	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	3.225.495	2.186.900	67,8	100,6
3	Chi sự nghiệp y tế, DS KHH GD	761.764	522.767	68,6	97,2
4	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	31.680	20.375	64,3	131,9
5	Chi sự nghiệp văn hóa TT.TT & DL	121.193	72.876	60,1	110,7
6	Chi SN phát thanh truyền hình	54.427	39.139	71,9	130,3
7	Chi đảm bảo XH	1.040.510	731.035	70,3	105,3
8	Chi sự nghiệp kinh tế	832.283	719.061	86,4	149,7
	Trong đó:				
	-Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi	53.035	346.075	652,5	
	-SN kinh tế khác	322.779	113.441	35,1	
	-Chi hỗ trợ cho DN do miễn giảm thủy lợi phí	295.142	209.934	71,1	
9	Chi sự nghiệp Tài nguyên và môi trường	255.861	126.611	49,5	81,5
10	Chi quản lý hành chính	1.611.290	1.193.363	74,1	106,4
11	Chi trợ giá	15.500	8.457	54,6	137,4
12	Chi khác ngân sách	80.625	115.521	143,3	220,4
13	Vốn ngoài nước	23.880	921	3,9	
14	10% tiết kiệm chi thường xuyên để CCTL	20.416			
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	3.500			
IV	Dự phòng ngân sách	192.830			
V	Chi nộp ngân sách cấp trên		30.277		
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.450			
B	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	592.697			
C	BỘI THU - TRẢ NỢ VAY	65.600	59.771		
D	CÁC KHOẢN GHI CHI TRÊN ĐỊA BÀN		20.000		

**THUYẾT MINH
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
9 THÁNG NĂM 2020**

1. Thực hiện nhiệm vụ thu NSNN

Tổng thu Ngân sách nhà nước (NSNN) 9 tháng ước thực hiện 14.575 tỷ đồng, đạt 95,3% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, bằng 109% so với cùng kỳ năm 2019.

Tổng thu ngân sách địa phương (NSDP) 9 tháng ước thực hiện 13.270,6 tỷ đồng, đạt 105,4% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, bằng 114,1% so với cùng kỳ năm 2019; trong đó:

1.1. *Thu nội địa*: ước thực hiện 4.525 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 34,1% tổng thu NSDP, đạt 65% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, bằng 89,4% so với cùng kỳ năm 2019.

1.2. *Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu*: ước thực hiện 820 tỷ đồng, đạt 71,3% dự toán giao, bằng 97,9% so với cùng kỳ năm 2019.

1.3. *Thu chuyển nguồn năm trước sang*: 2.516,4 tỷ đồng.

1.4. *Thu trợ cấp từ ngân sách Trung ương*: ước thực hiện 6.067 tỷ đồng, đạt 92,1% dự toán năm, bằng 121,5% so với cùng kỳ năm 2019.

2. Thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách địa phương

Tổng chi NSDP 9 tháng ước thực hiện 9.904,7 tỷ đồng, đạt 78,6% dự toán giao, bằng 117,9% so với cùng kỳ năm 2019, trong đó:

2.1. *Chi đầu tư phát triển*: ước thực hiện 9 tháng 3.412,2 tỷ đồng, đạt 99,7% dự toán giao, bằng 124,1% so với cùng kỳ năm 2019, chiếm tỷ trọng 34,5% tổng chi NSDP.

2.2. *Chi tiêu dùng thường xuyên*: ước thực hiện 9 tháng là 5.947 tỷ đồng, đạt 71,5% dự toán giao, bằng 107,3% so với cùng kỳ năm 2019, đã đáp ứng nhu cầu chi lương, các khoản an sinh xã hội, cụ thể:

Sự nghiệp khoa học công nghệ ước thực hiện 20,4 tỷ đồng, đạt 64,3% dự toán năm, bằng 131,9% so với cùng kỳ; chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề ước thực hiện 2.186,9 tỷ đồng, đạt 67,8% dự toán năm, bằng 100,6% so với cùng kỳ; chi sự nghiệp văn hoá thể thao du lịch ước thực hiện 72,9 tỷ đồng, đạt 60,1% dự toán năm, bằng 110,7% so với cùng kỳ; sự nghiệp y tế, dân số kế hoạch hóa gia đình ước thực hiện 522,8 tỷ đồng, đạt 68,6% dự toán năm, bằng 97,2% so với cùng kỳ; chi đảm bảo xã hội ước thực hiện 731 tỷ đồng, đạt 70,3% dự toán, bằng 105,3% so với cùng kỳ; chi quản lý hành chính ước thực hiện 1.193,4 tỷ đồng, đạt 74,1% dự toán năm, bằng 106,4% so với cùng kỳ; chi an ninh quốc phòng ước thực hiện 210 tỷ đồng, đạt 87,2% dự toán năm, bằng 100,1% so với cùng kỳ năm 2019.

